

Lớp.....

Họ tên:.....

TUẦN HOÀN Ở ĐỘNG VẬT

- Cho các từ khoá về hệ tuần hoàn, phân biệt hệ tuần hoàn kín và hệ tuần hoàn hở bằng các hoàn thiện thông tin vào bảng dưới đây

(1) Ngành chân khớp (côn trùng, nhện, tôm); lớp Chân bụng (ốc, bào ngư)

(2) Ngành Giun đốt, lớp Chân đầu (mực), ngành Dây sống (cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú)

(3) Chậm

(4) Đủ mao mạch

(5) Mạnh

(6) Cao

(7) Không có mao mạch

(8) Kín; Tim → động mạch → mao mạch → tĩnh mạch → tim

(9) Thấp và tốc độ chảy

(10) Hở; Tim → động mạch → tràn vào khoang cơ thể → tĩnh mạch → tim

Nội dung	Hệ tuần hoàn hở	Hệ tuần hoàn kín
Đại diện		
Cấu tạo		
Đường di chuyển của máu		
Áp lực máu trong mạch		
Vận tốc máu chảy trong mạch		

HÃY CHỌN PHƯƠNG ÁN ĐÚNG

Câu 1. Những động vật nào sau đây có hệ tuần hoàn kín?

- A. Mực ống, cá, giun đốt. B. Giun dẹp, cua, mực ống.
C. Côn trùng, giun đốt, trai sông. D. Tôm, ốc sên, giun đốt.

Câu 2. Nhóm động vật nào sau đây có hệ tuần hoàn kép?

- A. Lưỡng cư, bò sát, chim. B. Cá, lưỡng cư, bò sát.
C. Bò sát, chim, côn trùng. D. Côn trùng, cá, bò sát.

Câu 3. Ở động vật có hệ tuần hoàn kín, máu trao đổi chất với tế bào qua

- A. thành mao mạch. B. thành tĩnh mạch.
C. thành động mạch. D. khoang cơ thể.

Câu 4. Ở động vật có hệ tuần hoàn hở, máu trao đổi chất với tế bào qua

- A. mao mạch. B. tĩnh mạch. C. động mạch. D. xoang cơ thể.

Câu 5. Hệ dẫn truyền tim hoạt động theo thứ tự nào sau đây?

- A. Nút xoang nhĩ → nút nhĩ thất → bó His → mạng Purkinje.
B. Nút xoang nhĩ → bó His → nút nhĩ thất → mạng Purkinje.
C. Nút xoang nhĩ → nút nhĩ thất → mạng Purkinje → bó His.
D. Nút xoang nhĩ → mạng Purkinje → nút nhĩ thất → bó His.

Câu 6. Khi nói về sự thay đổi huyết áp trong hệ mạch, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Huyết áp cao nhất ở động mạch, giảm ở tĩnh mạch và thấp nhất ở mao mạch.
B. Huyết áp cao nhất ở động mạch, giảm ở mao mạch và thấp nhất ở tĩnh mạch.
C. Huyết áp cao nhất ở động mạch, tĩnh mạch và thấp nhất ở mao mạch.
D. Huyết áp cao nhất ở động mạch chủ và giữ ổn định ở tĩnh mạch, mao mạch.

Câu 7. Vận tốc máu trong hệ mạch phụ thuộc chủ yếu vào yếu tố nào sau đây?

- A. Tổng tiết diện của mạch và chênh lệch huyết áp giữa 2 đầu đoạn mạch.
B. Tổng tiết diện của mạch máu và ma sát giữa các tế bào máu.
C. Chênh lệch huyết áp giữa 2 đầu đoạn mạch và ma sát của dòng máu với thành mạch.
D. Lực đẩy, lực hút của tim và chênh lệch huyết áp giữa 2 đầu đoạn mạch.

Cấu tạo và hoạt động của tim

► Cho thông tin các thành phần cấu tạo của tim. Hãy đưa thông tin đúng vào hình phía dưới.

1. Tĩnh mạch chủ

7. Tâm thất trái

11. Van hai lá

2. Tĩnh mạch chủ

5. Van ĐM chủ

4. ĐM phổi

6. Tâm nhĩ phải

12. Van ĐM phổi

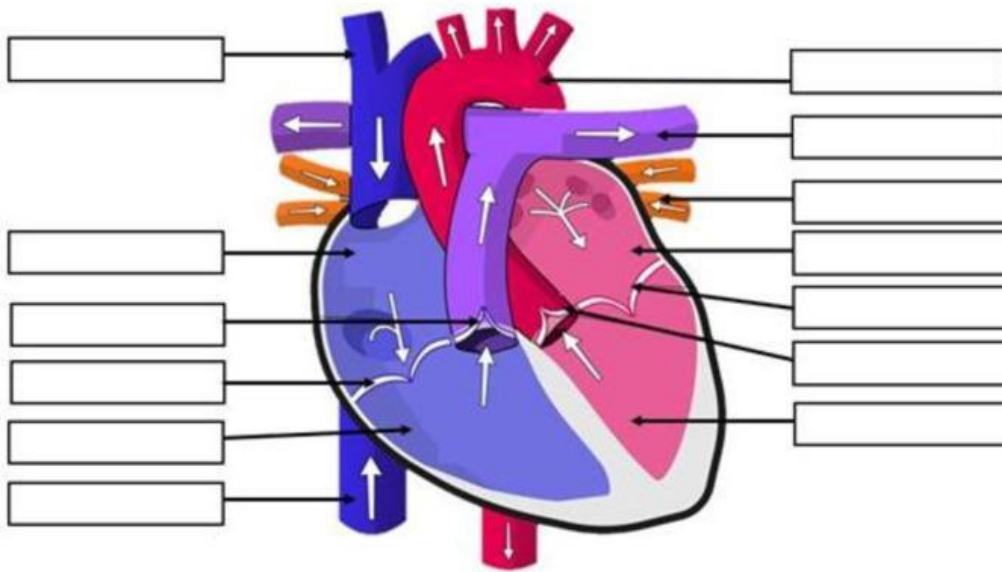
10. Van ba lá

8. Tâm thất phải

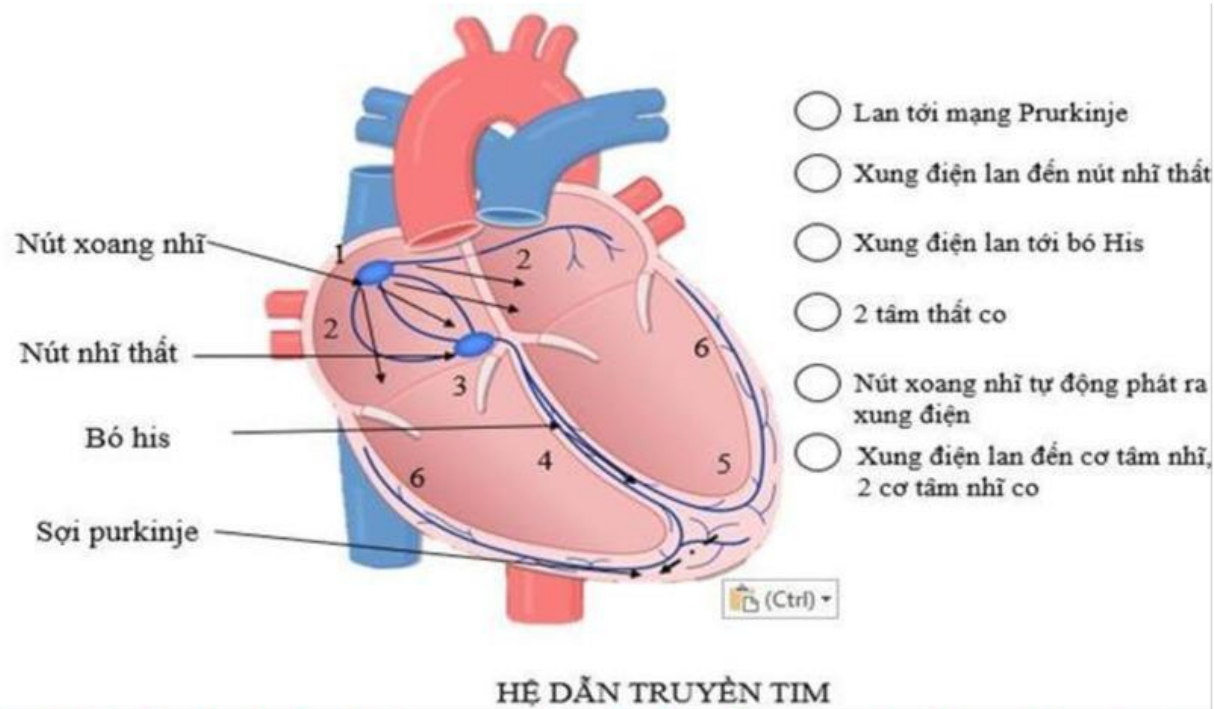
9. TM phổi

13. Tâm nhĩ trái

3. Cung ĐM chủ



(?) Dựa vào thứ tự các số và chiều hướng mũi tên. Hãy điền trình tự hoạt động của hệ dẫn truyền vào các ô hình tròn trong hình bên.



(?) Điền tên các pha và thời gian tương ứng của từng pha trong chu kì hoạt động của tim vào bảng dưới. Dùng bút màu đỏ, vàng, xanh dương tô vào ô trống tương ứng với chu kì hoạt động của tim bắt đầu từ giai đoạn 0s.

	0	0,1	0,2	0,3	0,4	0,5	0,6	0,7	0,8s	0,1	0,2	0,3	0,4	0,5	0,6	0,7	0,8s
Tâm nhĩ																	
Tâm thất																	



CHU KỲ HOẠT ĐỘNG CỦA TIM

Cho thông tin các thành phần cấu tạo của hệ mạch. Hãy đưa thông tin đúng vào hình phía dưới.

1. TĨNH MẠCH

2. Nội mạc (biểu mô)

3. ĐỘNG MẠCH

4. MAO MẠCH

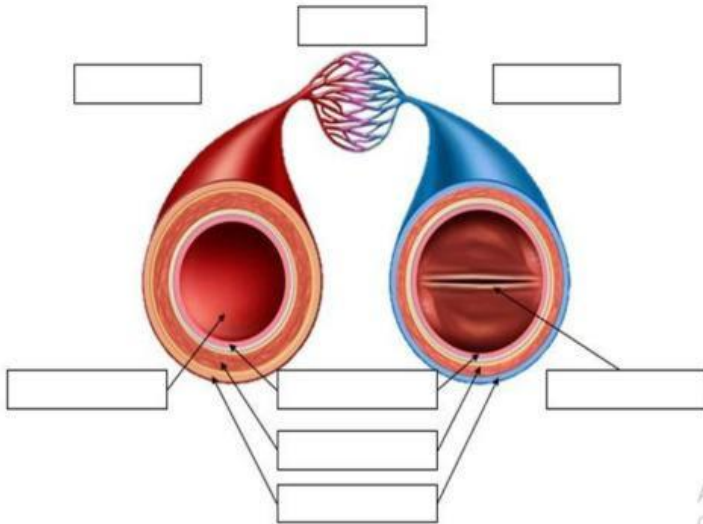
5. Mô liên kết

6. Lòng mạch

7. Cơ trơn và sợi

8. Van TM

CẤU TẠO HỆ MẠCH



CẤU TẠO HỆ MẠCH

